BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: /BC-BKHCN

DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, trong thời gian qua, Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền, nhờ đó đã hình thành đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về khoa học và công nghệ, góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KHCN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và các thông tư, thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực cũng nảy sinh những hạn chế trong chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ như: đầu tư cho KH&CN dàn trải, chồng chéo chưa tập trung vào các lĩnh

vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn; cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN chưa phù hợp; cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ KH&CN đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến...Bên cạnh đó, trước những thay đổi và yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội, chủ trương của Đảng cũng như những điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và đấu thầu.

Do vậy, cần ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP). Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung nội dung tại 04 Điều gồm: Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN; Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN; Điều 9 và Điều 10 quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất trong đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN được công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các tổ chức KH&CN, các cá nhân hoạt động KH&CN, góp phần giảm thiểu thủ tục hành chính trong hoạt động KH&CN.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tập trung vào các nhóm chính sách. Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các quy định bổ sung, cụ thể hóa hoặc sửa đổi quy định hiện hành, hoặc đề xuất các quy định mới.

1. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định nội dung chi NSNN cho KH&CN

1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

1.1.1. Xác định vấn đề

Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thực tế phát hiện thấy: các nội dung chi của ngân sách nhà nước (NSNN) cho khoa học và công nghệ (KH&CN) chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh đối với các nội dung chi phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST). Cụ thể như sau:

a) Quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (*điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (*điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) chưa đảm bảo phân định rõ về phạm vi, tiêu chí, đối tượng điều chỉnh, tổng mức đầu tư giữa dự án đầu tư

xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, máy móc để phân định ranh giới giữa các dự án thực hiện từ nguồn kinh phí đầu tư công với các nhiệm vụ được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên.

Khoản 4 và khoản 6 Điều 4 Luật NSNN quy định:

"*4. Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.*

6. Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh."

Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công theo hướng: "*Điều 6 của Luật Đầu tư công không quy định nhiệm vụ, khoản chi nào phải dùng vốn đầu tư công, không quy định chi sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc. Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.*"

Theo quy định của Luật Đầu tư công và tại Phụ lục phân loại dự án quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Luật Đầu tư công của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định:

"*2. Chi ngân sách nhà nước cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học công lập gồm các nội dung sau đây:*

a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: ...chi cho dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị; ...

b) Từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Chi cho dự án phòng thí nghiệm đầu tư tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học và dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ khác;"

Khoản 3 Điều 1 của Nghị định 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân

sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định:

"3. Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng kinh phí chi thường xuyên trong lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này): Các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên và thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định."

Điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị định 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định:

"a) Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương

- Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương) quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm.

- Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 45 tỷ đồng đến dưới 120 tỷ đồng/nhiệm vụ: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm.

- Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 120 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên:

Trường hợp không thể sắp xếp, bố trí hoặc điều chỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao, các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm đề xuất nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị sử dụng kinh phí chi thường xuyên, lấy ý kiến của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan về sự cần thiết, mục tiêu, phạm vi, quy mô của nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này; trên cơ sở đó tổng hợp, chịu trách nhiệm toàn diện xác định sự cần thiết, mục tiêu và dự toán kinh phí của nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị để gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị sử dụng nguồn chi thường xuyên lĩnh vực khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường: Sau khi lấy ý kiến của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, các bộ, cơ quan trung ương tổng hợp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ), Bộ Tài nguyên và Môi trường (đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường) để rà soát, tổng hợp, gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và bảo vệ môi trường.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương để báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt về chủ trương thực hiện nhiệm vụ (Mẫu quyết định phê duyệt chủ trương tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Trên cơ sở quyết định phê duyệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm hàng năm."

Khoản 4 Điều 3 của Nghị định 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư công thì nội dung này được quy định như sau: "*4. Cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là việc phân bổ vốn đầu tư công để cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền.*"

Điểm c khoản 2 Điều 38 của Luật Chuyển giao công nghệ quy định: "*c) Hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước;*"

Điểm a khoản 2 Điều 25 của Luật Công nghệ cao quy định: "*a) Vốn điều lệ của Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia được hình thành từ ngân sách nhà nước và được bổ sung từ ngân sách nhà nước trong quá trình hoạt động;*"

Điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định: "*a) Kinh phí tài trợ, hỗ trợ và chi hoạt động quản lý của Quỹ được bố trí từ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.*"

Do vậy, quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần bổ sung nội dung chi như sau:

- Bổ sung quy định tại tiểu điểm a1 điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:

+ Bổ sung quy định để làm rõ các nội dung chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Đầu tư công;

+ Bổ sung quy định cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án. Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công "*a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;*" ;

+ Bổ sung đối tượng điều chỉnh là: trại thực nghiệm[1]; phòng tiêu bản, phòng trưng bày, lưu giữ mẫu[2]; trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo[3].

- Bổ sung quy định tại điểm m, m1 và m2 khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:

+ Làm rõ quy định về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công (khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công "*1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.*")

+ Bổ sung quy định về nhiệm vụ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách (quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật NSNN, Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng).

+ Bổ sung quy định về nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của tổ chức KH&CN công lập; mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN; mua sắm trang thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ[4]. Căn cứ đề xuất: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công "*b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật*" và điểm a khoản 2 Điều 28 "*a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành*",

---

[1] Ý kiến của Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên tại văn bản số 367/KHCN-KHTC ngày 18/3/2024 về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

[2] Ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 2343/BNN-KHCN ngày 02/4/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

[3] Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại điểm b khoản 2 mục IV; Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

[4] Ý kiến của Bộ Quốc phòng tại văn bản số 4220/BQP-TC ngày 04/9/2024 về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP; ý kiến của Bộ Công thương tại văn bản số 7733/BCT-KHCN ngày 02/10/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

Đối với nội dung bổ sung: (i) nhiệm vụ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ KH&CN đề xuất quy định cụ thể trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất với các quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

b) Bổ sung nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của các trung tâm này. Lý do:

Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế "*Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục; xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở*;"

Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định: "*Tiếp tục có cơ chế, chính sách ưu đãi, đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia theo mô hình tiên tiến trên thế giới.*"

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: "*Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.*"

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: "*b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc*

gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu." (điểm b khoản 2 mục IV).

Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Do vậy, quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần bổ sung nội dung chi như sau:

- Bổ sung quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và trung tâm khởi nghiệp sáng tạo tại tiểu điểm a1 điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định tại điểm n1 khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về chi nhằm bảo đảm và duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và trung tâm khởi nghiệp sáng tạo.

c) Điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP chưa được sửa đổi phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đối với các nội dung: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền ban hành sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao, đặt hàng và đấu thầu và kinh phí được NSNN hỗ trợ hoặc cấp cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

d) Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhằm làm rõ việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín so với quy định trước đây "*k) Hỗ trợ...công bố kết quả nghiên cứu khoa học; ...*".

Lý do: điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định: "*a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: ... hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo và đổi mới công nghệ; hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học để gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế;... mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi thưởng bằng mức lương thấp nhất bình quân cho công bố khoa học có giá trị, bằng 03 lần mức lương bình quân cho 01 sáng chế, bằng 02 lần mức lương bình quân cho 01 giải pháp hữu ích hoặc 01 giống cây trồng; ...*"

Bổ sung nội dung "*nhận chuyển giao và khai thác quyền sở hữu trí tuệ*" để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 8 Luật Sở hữu rí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 1 Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022: "*Hỗ trợ tài chính cho việc tạo ra, nhận chuyển giao, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phục vụ lợi ích công cộng; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ cho hoạt động đổi mới sáng tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*".

đ) Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về cấp vốn điều lệ và vốn bổ sung cho các quỹ quốc gia của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ để bảo đảm sự thống nhất và đồng bộ các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Công nghệ cao.

Lý do: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư công thì nội dung này được quy định như sau: "*4. Cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là việc phân bổ vốn đầu tư công để cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền.*"

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Chuyển giao công nghệ quy định: "*c) Hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước;*"

Điểm a khoản 2 Điều 25 Luật Công nghệ cao quy định: "*a) Vốn điều lệ của Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia được hình thành từ ngân sách nhà nước và được bổ sung từ ngân sách nhà nước trong quá trình hoạt động;*"

Dự thảo Nghị định đề xuất sửa đổi kết cấu của khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 95/2014 gồm 02 điểm, bao gồm: điểm a gồm 4 tiểu điểm a1, a2, a3 và a4 và bổ sung điểm b. Nội dung bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau: "*b) Cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc đối tượng đầu tư công;*"

Điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định: "*a) Kinh phí tài trợ, hỗ trợ và chi hoạt động quản lý của Quỹ được bố trí từ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.*"

Dự thảo Nghị định đề xuất sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau: "c) *Kinh phí tài trợ, hỗ trợ và chi hoạt động quản lý của các quỹ quốc gia của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;*"

e) Căn cứ Phụ lục phân loại dự án quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Luật Đầu tư công của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, dự thảo Nghị định đề xuất sửa đổi, bổ sung tiểu điểm a2 điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP như sau: "*a2) Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;*"

1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN nhằm phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan nhằm phục vụ nâng cao tiềm lực KHCN&ĐMST.

1.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề

Có hai phương án đối với vấn đề này:

Phương án 1: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

Phương án 2: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 1.1.2 nói trên.

1.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.2.2.1. Phương án 1

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và không tăng chi NSNN cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: hiệu lực, hiệu quả quản lý bị giảm sút, không phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, không đáp ứng nhu cầu chi cho hoạt động ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không đáp ứng nhu cầu chi của tổ chức, cá nhân.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

1.2.2.2. Phương án 2:

a) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Sau khi rà soát về tính tương thích, giải pháp này không ảnh hưởng đến các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, về đầu tư công, đáp ứng nhu cầu hoạt động KHCN&ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện đúng quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, hoạt động KHCN&ĐMST hiệu quả.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

1.3. Lựa chọn giải pháp

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tổ chức và cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Chính sách 2: hoàn thiện quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN.

2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

2.1.1. Xác định vấn đề

- Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Mặt khác, đến thời điểm hiện nay, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã thực hiện được 08 năm, nhưng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN vẫn chưa được ban hành. Đồng thời, các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan đã được ban hành và thực thi nên cần thiết phải bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Bổ sung khoản 5 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP liên quan đến việc áp dụng Nghị định 138/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/10/2024 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng[5].

2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Luật NSNN quy định về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách (quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN)[6], do vậy, việc bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP là cần thiết.

- Khoản 3 Điều 1 của Nghị định 138/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/10/2024 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định: "*Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên được quy định tại các Luật chuyên ngành và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại điểm 2 Điều này), các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục xây dựng dự toán, phân bổ sự toán và quyết toán chi thường xuyên và thực hiện theo quy định tại các Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ về sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.*" Do vậy, việc bổ sung

---

[5]Khoản 3 Điều 1 của Nghị định 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định:
«3. Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng kinh phí chi thường xuyên trong lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này): Các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên và thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định. »

[6] Chẳng hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

quy định về áp dụng quy định pháp luật nêu trên sẽ đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong tổ chức thực hiện pháp luật về NSNN.

2.2. Giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề

Có hai phương án đối với vấn đề này:

Phương án 1: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

Phương án 2: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 2.1.2 nói trên.

2.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.2.2.1. Phương án 1

a) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực NSNN chi cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: quy trình xây dựng, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phát sinh tác động tiêu cực.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

2.2.2.2 Phương án 2:

a) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: qua rà soát, giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng với nhu cầu thực tế hoạt động KH&CN tại bộ, ngành, địa phương.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện theo quy định định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không có.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

2.3. Lựa chọn giải pháp

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp

3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

3.1.1 Xác định vấn đề

Trong thời gian qua, hành lang pháp lý về hoạt động của quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã được hoàn thiện. Tuy nhiên, một số quy định hiện hành không còn phù hợp với các quy định liên quan hoặc thực tiễn, đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Các quy định liên quan đến Quỹ phát triển

KH&CN của doanh nghiệp chưa đầy đủ, đồng bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng cao dựa trên KHCN&ĐMST. Cụ thể:

- Tỷ lệ trích lập tối thiểu Quỹ của doanh nghiệp Nhà nước không đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác; gây ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

- Quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP chưa phù hợp quy định quy định tại Điều 20 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và theo khoản 2 Điều 5 Nghị định 39/2022/NĐ-CP quy định về trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần điều chỉnh như sau: "*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp*" phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt "*Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*" tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp "*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp*".

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III "*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*"; đầu tư cho các cơ sở ươm tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

3.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhằm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác và đáp ứng nhu cầu thucj tiễn của doanh nghiệp.

3.2. Giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề

Có hai phương án đối với vấn đề này:

Phương án 1: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

Phương án 2: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 3.1.2 nói trên.

3.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.2.2.1. Phương án 1

a) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Không có tác động đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém kinh phí đầu tư.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ thúc đẩy sự phát triển của KHCN&ĐMST tại doanh nghiệp.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST.

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

3.2.2.2. Phương án 2:

a) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: qua rà soát, giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động KHCN&ĐMST của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với doanh nghiệp.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

3.3. Lựa chọn giải pháp

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 3 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý và nhu cầu hoạt động, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

III. PHỤ LỤC

Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên là điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích (*Phụ lục đính kèm*).

Sau khi rà soát về tính tương thích, các quy định được nêu trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP hoàn

toàn không cản trở các cam kết của Việt Nam khi tham gia các Điêu ước quốc tế nêu ở trên.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VPCP: Vụ Pháp luật;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Huỳnh Thành Đạt

PHỤ LỤC

Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích

(Kèm theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách số /BC-BKHCN ngày tháng năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Điều ước quốc tế	Tính tương thích	Ghi chú
1	Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị	Bảo đảm tính tương thích	Điều 7. Không ai có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm. **Đặc biệt, không ai có thể bị sử dụng để làm thí nghiệm y học hoặc khoa học mà không có sự đồng ý tự nguyện của người đó.** Theo đó, khoản 3 Điều 33 Bộ luật Hình sự quy định: Việc gây mê, mổ, cắt bỏ, cấy ghép mô, bộ phận cơ thể người; thực hiện kỹ thuật, phương pháp khám, chữa bệnh mới trên cơ thể người; **thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất cứ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải được sự đồng ý của người đó và phải được tổ chức có thẩm quyền thực hiện.**
2	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa	Bảo đảm tính tương thích	Điều 15. 1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận mọi người đều có quyền: a) Được tham gia vào đời sống văn hoá; b) Được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó;

STT	Điều ước quốc tế	Tính tương thích	Ghi chú
			c) Được bảo hộ các quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật nào của mình. 2. Các biện pháp mà các quốc gia thành viên Công ước sẽ tiến hành nhằm thực hiện đầy đủ quyền này phải bao gồm các biện pháp cần thiết để bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá. 3. Các thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo. 4. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận lợi ích của việc khuyến khích và phát triển các mối quan hệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khoa học và văn hoá.
3	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương - CPTPP	Bảo đảm tính tương thích	Các quy định về ưu đãi miễn thuế quy định trong pháp luật về thuế, không có quy định cụ thể trong Luật KH&CN
4	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU EVFTA	Bảo đảm tính tương thích	Các quy định về ưu đãi miễn thuế quy định trong pháp luật về thuế, không có quy định cụ thể trong Luật KH&CN
5	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)	Bảo đảm tính tương thích	
6	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh	Bảo đảm tính tương thích	
7	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Israel	Bảo đảm tính tương thích	
8	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)	Bảo đảm tính tương thích	

STT	Điều ước quốc tế	Tính tương thích	Ghi chú
9	Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Ốt-xtrây-li-a - Niu Di-lân (AANZFTA)	Bảo đảm tính tương thích	
10	Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)	Bảo đảm tính tương thích	
11	Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Nhật Bản (AJCEP)	Bảo đảm tính tương thích	
12	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc	Bảo đảm tính tương thích	
13	Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT)	Bảo đảm tính tương thích	
14	Hiệp định chung về thương mại và dịch vụ (GATS)	Bảo đảm tính tương thích	
15	Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)	Bảo đảm tính tương thích	
16	Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật	Bảo đảm tính tương thích	
17	Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp	Bảo đảm tính tương thích	